

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 420

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 19.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô lượng Thọ Kinh Giải, trang 528, hàng thứ ba đếm từ dưới lên. Bắt đầu xem từ câu “thế nào là chí tâm”.

Với câu “thế nào là chí tâm”, kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ đã đưa ra thí dụ của Thập công. Thập công là đại sư Cưu Ma La Thập, đại sư đã đưa ra một thí dụ, giống như một người đang gặp giặc cướp hung dữ muốn giết hại, người kia muốn bơi qua sông để chạy thoát. Chính lúc này, người đó chỉ nghĩ đến cách bơi qua sông, chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi, ngoài ra không có suy nghĩ nào khác. Việc nghĩ đến cách bơi qua sông đó là nhất niệm. Trong mười niệm đó không lẫn những niệm khác.

Chắc là có người thắc mắc với ngài La Thập, thế nào là chí tâm? Thế nào là nhất niệm? Ngài La Thập đưa ra một thí dụ, như một người gặp giặc cướp, lúc đi đường mà gặp giặc cướp, mà tên cướp này lại quá hung dữ, muốn giết hại anh ta, muốn thoát thân, anh ta chạy đến bên bờ sông, lúc này trong đầu người gặp nạn chỉ có một suy nghĩ là làm cách nào để bơi qua sông, ngoài suy nghĩ đó ra không nghĩ đến chuyện gì khác. Suy nghĩ đó gọi là nhất niệm, vì sao vậy? Vì nó không lẫn vào những suy nghĩ khác.

Chúng ta niệm Phật cũng nên dùng phương pháp này. Thế nào gọi là nhất tâm? Không nghĩ ngợi, không có những suy nghĩ khác xen vào, không có những suy nghĩ khác xen vào giữa, chính lúc đó gọi là nhất tâm. Ý nghĩa của nhất niệm và chí tâm là giống nhau.

“Hành giả diệt nhĩ”, Hành giả là người tu tập, người thực hành pháp môn niệm Phật, cũng thực hành như thế. “Hoặc niệm danh hiệu Phật, hoặc nhớ nghĩ đến hình tướng Phật”, đều giống nhau. Nhớ nghĩ đến danh hiệu của Phật gọi là trì danh niệm Phật, nhớ nghĩ đến tướng tốt của Phật gọi là quán tưởng niệm Phật, đều có thể được. Quan trọng là ở chỗ “niệm Phật không gián đoạn”, ý niệm đó không lúc nào ngưng nghỉ. Vì sao vậy? Vì khi ngưng nghỉ thì tạp niệm liền xen vào, có niệm là vọng niệm, vô niệm là vô minh, cả hai đều không thể thành tựu được, vọng tưởng không cho xen vào, vô minh cũng không cho xen vào. Vô minh là sự ngu si, vọng tưởng chính là

tham, sân, si, mạn, đó là những thứ làm chướng ngại tự tánh, là những thứ phá hoại sự nhất tâm bất loạn của quý vị, đây là vấn đề người tu pháp môn niệm Phật cần hiểu rõ.

Niệm Phật không gián đoạn cho đến mười niệm, chí tâm như thế gọi là mười niệm. Từ một niệm đến mười niệm, thì đến lúc mạng chung chắc chắn sẽ được vãng sanh. Nên gọi người tu pháp môn niệm Phật như người muốn bơi qua sông trong trong thí dụ trên, chỉ muốn qua sông, không nghĩ đến điều gì khác, đó gọi là chí tâm, nhớ nghĩ như thế liên tục đến mười lần thì gọi là mười niệm. Nếu lúc lâm chung mà thực hành được như thế thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Đây là lời khẳng định, không chút nghi ngờ, thực tế như thế, như những lời Thiện Đạo địa sư đã nói, vạn người đi thì vạn người sẽ đến.

“Nãi chí nhất niệm”, đến lúc lâm chung, không kịp thực hành được mười niệm thì anh ta đã tắt thở, nếu trong khoảng thời gian cuối cùng đó, mà anh ta vẫn nhớ nghĩ đến đức Phật A di đà, thì anh ta vẫn được vãng sanh, đó là bản nguyện của đức Phật A di đà, trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó anh ta chắc chắn sẽ thấy Phật. Nếu trong niệm cuối cùng mà được thấy Phật, mỗi niệm tương ứng mỗi niệm Phật, anh ta không đủ thời gian, không kịp trần trối với mọi người: Phật đã đến tiếp dẫn tôi đi rồi, tôi theo Phật đây. Không đủ thời gian để nói câu này. Nếu trong mười niệm anh ta có đủ thời gian để nói với mọi người, anh ta được Phật đến tiếp dẫn. Cuối cùng chỉ còn một niệm thì anh ta không đủ thời gian, chỉ tận mắt thấy được Phật đến tiếp dẫn, đó chính là đích thực được vãng sinh.

Ý này trong luận Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương có nói: “Niệm tâm thuần cố”, thuần là không xen lẫn, cố là chắc chắn, kiên cố. Tâm của người đó lúc bấy giờ rất định tĩnh, kiên cố, không còn bị ngoại cảnh lay chuyển, liền được vãng sanh. “Âm thầm hợp với đạo lí, chứng quả vô sinh”, hai câu này rất hay, ý nghĩa của hai câu đó là gì? Vì tâm niệm lúc lâm chung là chân tâm, không phải vọng tâm. Không lẫn sự nghi ngờ, không bị vọng niệm chen vào, đó là chân tâm. Trong giáo lí Đại thừa đức Phật thường nói: “Chân tâm li niệm”, trong chân tâm không có vọng niệm, trong chân tâm các vị chỉ có một câu A Di Đà Phật, đây là âm thầm hợp với diệu đạo. Đạo là gì? Đạo là tự tánh. Diệu là gì? Diệu là diệu dụng, nó có tác dụng rất kì diệu. Có thể gắn chặt niệm cuối cùng khi lâm chung với thể dụng của tự tánh, điều này thật đáng nể. Phẩm vị này cao, chứng nhập được vô sanh. Ở đây cho thấy nhân duyên họ họ khá thù thắng. Làm sao có việc lạ lùng như thế! Suốt đời là vọng tâm, nhưng cuối cùng khi lâm chung lại có chân tâm, đó là việc vô cùng khó khăn. Chứng được vô sanh tức là nhập vào cảnh giới Thường tịch quang, tức là nhập vào tự tánh, mà tự tánh vốn không sanh không diệt. Khi chứng ngộ, Huệ Năng nói năm câu, câu thứ hai ngài nói rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Ngài nói hay quá! Vì vậy cho dù có phạm thập ác ngũ nghịch, mà khi lâm chung vẫn niệm Phật cho đến nhất niệm thì vẫn được vãng sanh. Những người khi phạm thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung địa ngục hiện tiền,

khiến họ thực sự lo sợ, trong lúc đó những vọng niệm của họ đều mất hết, chỉ còn lại một niệm, nếu nhắc nhở họ câu A Di Đà Phật, họ nắm lấy niệm đó, không còn hoài nghi, không còn xen tạp, thì lúc đó họ đạt được phẩm vị nào? Há không phải Thiện Đạo đại sư từng nói: Tứ độ tam bôi cửu phẩm, ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Khi lâm chung gặp nhân duyên thù thắng như thế, chắc chắn là thượng bối vãng sanh. Niệm chân thành đến cùng cực thì sẽ được sinh lên thượng phẩm. Trong việc chân thành vẫn có những cấp độ không giống nhau, như thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, thượng bối vãng sanh. Chúng ta nên biết, thượng bối vãng sanh là được sinh vào cõi Thật báo trang nghiêm, trung bối sanh về cõi phương tiện hữu dư, hạ bối là sanh về cõi phàm thánh đồng cư. Quả báo quá thù thắng. Tất cả pháp thế gian hay xuất thế gian chỉ pháp này là chân thật, những pháp khác đều giả. Trong kinh Bát nhã đức Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chỉ có việc này là chân thật.

“Bốn nguyện của đức Phật A Di Đà là không thể nghĩ bàn”, sự thành tựu này là sự thành tựu bốn mươi tám lời nguyện của đức Phật A Di Đà. Kết quả của việc suy nghĩ trong năm kiếp tư duy của Bồ tát Pháp tạng chính tại nơi đây. Chúng ta đời này gặp được duyên lành thù thắng như thế, thì không thể không nghĩ đến ân đức của đức Phật A Di Đà. Chúng ta nỗ lực tu tập cho đến ngày thành công, đó chính cách báo đáp ân đức đúng đắn, không thể vãng sanh qua thế giới tây phương Cực lạc, thì đó là phương pháp báo ân giả dối, không đúng đắn. Phương pháp đúng đắn đó là dứt khoát vãng sanh. Nếu muốn chắc chắn vãng sanh thì quý vị phải dứt khoát từ bỏ tất cả. Kinh sách Đại thừa đã dạy cho ta rất rõ ràng, buông bỏ chấp trước thì quý vị đã chứng được quả A la hán, vĩnh viễn không còn luân hồi. Buông bỏ phân biệt thì quý vị là Bồ tát. Buông bỏ khởi tâm động niệm, thì quý vị là pháp thân đại sĩ, quý vị là lý nhất tâm bất loạn, sanh về cõi Thật báo trang nghiêm của thế giới tây phương. Thế nên quan trọng nhất vẫn là việc ta có thể buông bỏ được hay không, có thể buông bỏ tất cả hay không.

Trong mấy năm trở lại đây, chúng ta đã suy nghĩ, quan sát điểm này, vì sao chúng ta không thể buông bỏ được? Không buông bỏ được là bởi chúng ta không nhìn thấu, tức là chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, cho những thứ giả dối là chân thật, nghi ngờ những thứ chân thật, phân vân không biết đó là chân thật hay giả dối, nên lòng tin không chắc chắn, lung lay bất định. Những thất bại đều xuất phát ở điểm này. Vì thế chúng ta cảm nhận được, khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm, đều nhắm đến những việc này. Quý vị hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật rồi, thì mọi việc tự nhiên buông bỏ mà không cần phải khuyên nhắc nữa, mà lại rất dễ buông bỏ. Đức Thế Tôn đã biểu diễn cho chúng ta thấy, khi sao mai vừa mọc, dưới cội Bồ đề ngài đã đại triệt đại ngộ. Làm thế nào để được đại triệt đại ngộ? Không có gì khác, ngoài việc buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thì sự triệt ngộ sẽ hiện tiền.

Trong những vị cao tăng ở Trung quốc thì lục tổ Huệ năng là người đứng đầu, Ngài là tấm gương sáng trong việc nhìn thấu và buông bỏ. Buông bỏ tất cả, buông bỏ là thành Phật. Pháp môn này, được đức Phật A Di Đà giáo hoá ở cõi nước Cực lạc. Phật Di Đà khi ở nhân địa, là Tỳ kheo Pháp tạng đã từng phát 48 nguyện, tu hành trong năm kiếp. Lúc tu hành, Pháp Tạng chính là một vị Bồ tát, khi mỗi lời nguyện đã được thành tựu thì thế giới Cực lạc cũng được thành tựu. Thế giới Cực lạc là do 48 lời nguyện cấu thành, không có 48 lời nguyện thì không có thế giới Cực lạc. Tâm tưởng sự thành, mỗi ngày đức A di đà Phật đều nghĩ đến 48 lời nguyện, nghĩ trong bao lâu? Nghĩ trong năm kiếp, niệm niệm không rời nên đã thành tựu cảnh giới Cực lạc. Ngày nay chúng ta tưởng, nhưng tưởng không thể thành tựu, vì sao vậy? Vì tưởng được một vài giây là quên thết, không nghĩ đến nữa. Nếu quý vị nghĩ đến một việc gì đó, mà trải đến năm kiếp, thì sự thành tựu đó có thể ngang bằng với đức Phật A di đà. Điều này chúng ta có thể cảm nhận được.

Niệm lục không thể nghĩ bàn, trong giáo lí Đại thừa đức Phật thường dạy: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, phàm phu chúng ta thường nghĩ những điều gì? Nghĩ địa ngục, nghĩ quỷ đói, nghĩ súc sinh, khi những suy nghĩ đó thành tựu rồi thì chỉ đến nó mà thôi. Địa ngục không phải do ai tạo ra, cũng không do một người nào thiết kế nên, việc này hoàn toàn tương đồng với đạo lí của thế giới Cực lạc, thế giới đó do đức Phật A di đà nhiều kiếp nghĩ đến, việc tạo nghiệp địa ngục cũng tâm tưởng trong một thời gian dài mới tạo ra. Nếu quý vị thật sự cảm nhận được điều này, thết thấy pháp của thế gian hay xuất thế đều do ý niệm, khi ý niệm nổi lên thì nó được thành tựu, không một ai vẽ ra, không ai xây dựng, không một ai tự tay làm mà nó vẫn hình thành.

Những người tạo thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung cảnh giới địa ngục liền hiện ra, lửa dữ kéo đến, nhưng vì niệm Phật, liền dứt vọng hoặc (suy nghĩ không đúng), chứng lý nhất tâm.

“Liền dứt vọng hoặc”, thì lập tức được lý nhất tâm, Lý nhất tâm là gì? Lý nhất tâm đó là kiến tánh. “Vì phù hợp với lí nên các tội được tiêu diệt”. Quý vị thật sự chứng được lý nhất tâm, chứng được lý nhất tâm là minh tâm kiến tánh, vì quý vị đã kiến tánh, vì lí đó là tánh. Trong tự tánh không có tội hay phước, không có tôi, cũng không có phước. Nếu có tội hay phước thì chúng ta sẽ nghĩ đến nó có hình tướng. Có phước thì có thế giới Cực lạc hiện tiền, có tội thì địa ngục hiện tiền. Ngày nay chúng ta hiểu được tự tánh vốn không có hình tướng, chẳng những không có hiện tượng vật chất, mà hiện tượng tinh thần cũng không có. Hiện tượng tinh thần là gì? Thọ tướng hành thức chính là hiện tượng tinh thần. Trong tự tánh có trí tuệ, trong trí tuệ có kiến văn giác tri. Song kiến văn giác tri này, chẳng những không phải là hiện tượng vật chất, mà cũng không phải hiện tượng tinh thần, vì thế ta không thể gọi tên nó được, đó là những hiện tượng tự nhiên, nó không sanh diệt. Thọ tướng hành thức có sự sinh diệt, có hiện tượng sinh diệt, nhưng kiến văn giác tri thì không sinh diệt, nó thuộc về

tánh đức. Kiến văn giác tri có, nhưng không có hình tướng. Vừa rồi có nói, ba loại hiện tượng đều không có, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần và không có hiện tượng tự nhiên. Đối với kiến văn giác tri, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu với chúng ta rằng: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai. Chúng ta nên hiểu như thế nào? Như lai là tự tánh, trong tự tánh vốn đã đầy đủ trí tuệ viên mãn. Đức là gì? Kiến văn giác tri là đức. Tướng là hiện tượng, chúng ta nói đến ba hiện tượng, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất, vốn đã có đủ trong tự tánh. Người kiến tánh thấy được trong tự tánh vốn đầy đủ những thứ đó rồi. Vì thế khi chúng sanh có cảm ứng thì tự tánh liền hiện ra, khi hiện ra thì kiến văn giác tri liền phát huy tác dụng, nó có phản ứng, vì thế không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Do đó chúng ta phải hiểu rằng, thật sự chư Phật Bồ tát ứng hoá đến cõi thế gian này, sự biểu diễn bên ngoài của các ngài, không khác với phàm phu chúng ta. Nhưng bên trong thì hoàn toàn khác hẳn. Khác nhau cái gì? Việc kiến văn giác tri bị thay đổi, nó biến thành thọ tướng hành thức. Thọ tướng hành thức là tạo nghiệp. Thọ là gì? Thọ là cảm thọ, trong kiến văn giác tri có sự cảm thọ không? Không. Vì sao? Khi cảm thọ là họ đã khởi tâm động niệm, nếu không khởi tâm động niệm thì làm sao cảm thọ được! Vì thế họ có kiến chứ không cảm thọ. Khi chúng sinh hiện tướng sẽ khiến những vị ấy thấy được, khi thấy thì họ có những phản ứng, giống như thử nghiệm nước. Chúng ta thử dùng phương pháp khoa học để thử nghiệm nước, để thử nghiệm việc có mặt của kiến văn giác tri. Ngày nay chúng ta nhận biết được nước biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý của con người, biết được ý của con người đó là giác tri, nhìn được là kiến, nghe được đó là văn, khởi lên phản ứng, phản ứng đó là phản ứng của bản năng, phản ứng của tự tánh. Vì thế ta chúng ta có thể cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ tát. Khi trong tâm chúng ta có cảm, có khi chúng ta hữu niệm để cảm, có khi chúng ta vô niệm để cảm. Hữu niệm để cảm ứng chúng ta hiểu được, nhưng vô niệm thì làm sao cảm ứng được? Kỳ thật vô niệm, nhưng niệm của quý vị đã động, nhưng sự dao động đó cực kì nhỏ, nhỏ đến mức tự thân quý vị không biết được. Chúng ta thử nghĩ xem ai có thể biết được, ý niệm của ta đang động? Ai có thể biết được mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta đang biến đổi như thế nào? Hiện tượng mỗi tế bào đang biến đổi chưa bao giờ ngưng nghỉ. Vì sao vậy? Vì nếu ngưng nghỉ thì thân thể này sẽ không còn. Giống như chúng ta xem phim, các hình ảnh không ngừng chuyển động, để có những hình ảnh thực, nếu nó không chuyển động thì không có hình ảnh nào hiện lên màn hình cả. Ngày nay chúng ta xem vô tuyến truyền hình, vô tuyến truyền hình không dùng băng nhựa mà số hoá, độ nét rõ hơn băng nhựa, độ trình chiếu nhanh hơn băng nhựa rất nhiều, nhưng tất cả đều phải nhờ có sự chuyển động mới có hình ảnh, nếu không chuyển động thì hình ảnh không có. Ba loại hiện tượng trên không thể tách rời sự chuyển động. Hiện tượng vật chất là do sự vận động mới có, hiện tượng tâm lí cũng thế, hiện tượng tự nhiên cũng thế, không thể nào tách khỏi sự chuyển động. Vì thế nghiên cứu của các nhà khoa học cho rằng cả quả đất này như những tiếng ngân của cung đàn, dùng cái này làm thí dụ, vũ trụ được sinh ra là do sự

chuyển động, nếu không chuyển động nó đã không tồn tại. Đó cũng là điều pháp Phật đã đề cập: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Đạt đến mức độ bất động, thì lúc đó mới thấy rõ tất cả những hiện tượng trong vũ trụ, đây chính là sự tu tập thiền định trong Phật pháp. Công phu thiền định càng sâu thì cách nhìn của quý vị càng tinh tế, dù một sự chuyển động rất nhỏ nhất thì quý vị cũng có thể thấy rõ.

Như Bồ tát Di lạc đã nói trong kinh, ngài cho rằng tần suất mỗi giây có đến một nghìn sáu trăm triệu, mỗi giây có một nghìn sáu trăm lần hiện tượng chuyển động, nhưng ngài vẫn thấy rất rõ ràng, không sai sót. Vì thế mỗi khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Nếu chúng ta biết rõ chân tướng sự thực này, thì sẽ buông bỏ, không còn bám víu vào bất cứ một hiện tượng nào, quý vị không còn ý niệm khống chế, không còn ý niệm chiếm hữu. Vì sao vậy? Tất cả những ý niệm này đều là vọng niệm, không có ý nghĩa gì cả, có thể chiếm hữu không? Không thể; Có thể khống chế chăng? Không thể. Vì tốc độ của nó nhanh lắm. Biến pháp giới hư không giới, chúng ta tiếp nhận được ba loại hiện tượng này. Thân thể chúng ta cũng giống như một cái máy thu, vô tuyến truyền hình, có thể thu được tất cả các làn sóng đang chuyển động. Cơ thể của chúng ta đây, trong đó gồm ý niệm của thức thứ sáu, đồng thời cũng là máy phát. Mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta, mỗi tế bào đều đang phát đi, tốc độ phát đi lập tức chu biến pháp giới. Vì thế chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tất cả mọi thứ, quý vị nghĩ chư Phật Bồ tát có biết không? Biết hết đấy. Thậm chí bản thân mình chưa kịp hiểu mà chỗ kia đã hiểu rất rõ rồi. Cái đó gọi là gì? Gọi là minh ứng. Khi chúng ta mong cầu bản thân mình không biết, nhưng Chư Bồ tát đã nhận được, chư Bồ tát đã hiện thân đến, đến giúp đỡ quý vị, việc cảm ứng như thế gọi là minh ứng hiển ứng. Lại có một loại minh ứng hiển ứng cực kì nhỏ, Phật Bồ tát có giúp đỡ quý vị không? Có đấy, gia hộ quý vị từ những việc nhỏ nhất nhất, quý vị hoàn toàn không nhận biết được, chúng ta chỉ nhận biết được khi hiển ứng nhưng minh ứng thì không thể cảm nhận được. Có hai loại minh ứng: minh cảm minh ứng và hiển cảm minh ứng.

Điều quý nhất của người tu hành khế lí, đó là nội dung câu trên đã nói, “nhập lí nhất tâm”, đó mới là điều quan trọng nhất. Ở giai đoạn đó, giáo lí đại thừa thường gọi là Pháp thân Bồ tát, quả thực là tất cả tội nghiệp đã được tiêu diệt. Quý vị tìm đâu ra thứ gì là tội, cái gì là phước, thậm chí thứ gì gọi là tịnh, cái gì gọi là nhiễm cũng không có, cho đến cái gì là chân cái gì là vọng cũng không còn. Tự tánh thanh tịnh tâm, là một vầng thường tịch quang.

Sanh về thế giới tây phương Cực lạc, “đăng tam bất thoái”, chúng ta thường nói viên chứng tam bất thoái, đây chính là Pháp thân Bồ tát. Trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta về sơ quả của Tiểu thừa, nhưng đừng xem đó là địa vị quá thấp: Tu đà hoàn, Viên giáo trong kinh Hoa nghiêm của Đại thừa, Bồ tát Thập tín, đó là địa vị Sơ tín, Sơ tín giống như lớp một Tiểu học, nhưng trong ba loại bất thoái, loại thứ nhất mà họ chứng được, gọi là vị bất thối, địa vị của họ, chứng được quả vị này là Thánh nhân,

không còn là phàm phu nữa. Tuy vẫn chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng trong lục đạo, chắc chắn họ không rơi vào ba đường ác. Tiến thêm một bước nữa, đó là Bồ tát, phát tâm Bồ đề, tu đạo Bồ tát, chắc chắn không còn quay lại Nhị thừa, đó là loại bất thoái thứ hai. Địa vị Bất thoái thứ ba là minh tâm kiến tánh, họ chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, là sanh vào cõi Thường tịch quang tịnh, đây chính là quả vị Diệu giác trong kinh Hoa nghiêm. Gọi là gì? Là niệm bất thoái. Mỗi niệm của họ đều hướng đến một mục tiêu, một phương hướng, không còn một mục tiêu nào khác, mục tiêu đó là danh đúng với thực, chính là vô thượng chánh đẳng chánh giác, thật sự là vô thượng. Trên đẳng giác còn có quả vị Diệu giác, nhưng trên quả vị Diệu giác thì không còn quả vị nào nữa, đây gọi là niệm bất thoái. Khi vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc, là chứng quả vị Tam bất thoái. Chúng ta biết rằng, cảnh giới thấp nhất của họ, là Sơ trú Bồ tát mà trong kinh Hoa nghiêm nói đến, là Sơ địa Bồ tát của Biệt giáo. Công phu đoạn trừ phiền não của sơ địa trong Biệt giáo giống với quả vị sơ trú trong Viên giáo, đều là phá vô minh để chứng pháp thân.

Thế nào là chứng pháp thân? Tức là khẳng định tất cả mọi sự vật trong vũ trụ chính là thân ta, đây là pháp thân. Pháp có nghĩa là vạn pháp, họ không còn chấp thân này là thân của tôi nữa, biến pháp giới hư không giới đều là thân của tôi, đây gọi là chứng pháp thân. Chứng pháp thân có nghĩa như thế nào? Cả vũ trụ với ta thật sự là một thể, đó gọi là chứng pháp thân, kiến tánh mới có thể thấy, chưa kiến tánh thì không thể thấy được.

Kiến tánh là gì? Biết rằng mọi sự vật đều từ tự tánh biến hiện ra, có như thế mới hiểu rõ được chân tướng của sự vật, và hiểu rõ tất cả những mối liên hệ của nó.

Chúng ta thấy khi một đứa trẻ được sinh ra, bà mẹ ôm nó và nói đó là cục cưng của tôi. Người thực sự đã được khai ngộ, thấy tất cả mọi sự mọi vật trong cả pháp giới hư không đều là cục cưng của mình, cùng một cơ thể. Quý vị nói bề ngoài, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đó là bên ngoài, bên trong là lục phủ ngũ tạng, cùng một cơ thể! Không phải là một người một nhà, người một nhà có hai thân thể à? Cùng một thân thể, đó là minh chứng rõ ràng nhất về việc biến pháp giới hư không giới cùng với thân thể ta là một. Bây giờ chúng ta đang mê mờ, không hiểu biết nên cho cái này tốt với ta, ta không thích cái kia, đó là sự đối lập. Sau khi đã giác ngộ, nhìn những hiện tượng đó thất thế nào? Mũi đối lập với tai, gan đối lập với phổi, chẳng phải là ý này sao? Kỳ thật có đối lập chăng? Không có! Mỗi bộ phận có chức năng riêng của nó, mỗi bộ phận đều có tác dụng của nó, nó phối hợp cùng nhau, như thế mới gọi là sức khỏe sống lâu. Nếu nó có sự xáo trộn, không phối hợp với nhau thì người ta sẽ sinh bệnh, chắc chắn sẽ không sống được. Cơ thể của con người là một vũ trụ thu nhỏ, vũ trụ thu nhỏ không khác vũ trụ lớn, vũ trụ thu nhỏ chính là mô hình của vũ trụ lớn. Chúng ta rất nhỏ bé trong vũ trụ to lớn này, thân thể chúng ta giống một hạt bụi.

Phản trước chúng ta đã học, Hoàng Niệm lão đã đưa ra một thí dụ: “một cọng lông, một hạt bụi”, lông là sợi lông, nói đến đầu sợi lông là tượng trưng quá nhỏ. Bụi tức là hạt bụi nhỏ đã được mô tả trong kinh Phật. Đầu sợi lông và một hạt bụi nhỏ, trên thực tế nó rất lớn, nó vẫn còn những vật chất nhỏ hơn cấu thành nó. Ngày nay chúng ta nương vào khoa học, biết rằng có nguyên tử, mắt thường ta không thấy được hạt nguyên tử, nhưng những tế bào trên thân thể chúng ta, chúng ta có thể thấy những cọng lông trên cơ thể, mỗi cọng lông như thế có bao nhiêu nguyên tử cấu thành, chúng ta không thể biết, nhưng giới khoa học biết. Nguyên tử cũng không phải là đơn vị nhỏ nhất, thể tích của nguyên tử rất lớn. Giới khoa học thời cận đại đã phát hiện ra trung vi tử, có thể đó chính là những đơn vị nhỏ nhất mà trong kinh Phật đã nói. Lớn cỡ nào? Một trăm ức trung vi tử kết hợp lại với nhau, tạo thành một điện tử, điện tử nhỏ hơn nguyên tử, mỗi nguyên tử lại có hạt nhân nguyên tử, có điện tử, hình dáng của nó cũng giống một vũ trụ thu nhỏ, chuyển động quanh hạt nhân đó là điện tử. Quý vị thử xem, một trăm ức trung vi tử là một điện tử, một điện tử lại chia ra một trăm ức các chấm nhỏ, đó gọi là trung vi tử. Trung vi tử từ đâu mà có? Giới khoa học cũng biết, đó là do tâm niệm tạo thành, vì vậy mà giới khoa học cho rằng vật chất trong vũ trụ là không thật. Nói một cách rõ ràng, cơ bản không có cái gọi là vật chất, vật chất là ý niệm mà thôi. Khi ý niệm dồn lại một nơi thì sanh ra huyền tướng, huyền tướng này nhà Phật gọi là ngũ uẩn. Sắc thọ tưởng hành thức, sắc là hiện tượng vật chất, thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần. Tất cả đều không xa rời tướng, nghĩa là ý niệm, không xa rời được ý niệm, do niệm tạo thành, ý niệm, niệm lực.

Những báo cáo của giới khoa học mà chúng ta đã biết, rất giống với A lại da mà trong Phật giáo nói, A lại da có tam tế tướng, thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng tương đương với năng lượng mà các giới khoa học ngày nay đã đề cập, vì nghiệp tướng chỉ là ba động. Từ ba động sanh ra chuyển tướng, chuyển tướng là kiến phần của A lại da. Từ kiến phần biến thành hiện tượng vật chất đó là cảnh giới tướng, cảnh giới tướng là tướng phần của A lại da. Tam tế tướng của A lại da là khởi nguyên của vũ trụ, cả vũ trụ với thân thể của ta, mà chúng ta gọi là ngã, được sinh ra cùng một lúc. Có cái nào trước cái nào sau không? Có đấy, song quý vị không thể nhận biết được cái nào trước cái nào sau, quý vị không thể nhìn ra. Bồ tát Di lặc nói nhất niệm, quý vị xem trong nhất niệm có nghiệp tướng, có cảnh giới tướng, có chuyển tướng. Trong một khoảng thời gian rất ngắn vẫn chia ra ba tướng. Vì thế trong tế tướng này tìm tịnh nhiễm, tìm chân vọng, tìm thiện ác, thường thường không tìm thấy được. Cho nên tất cả những họa phước tạo ra từ vô thì đều mất thết, tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử cũng không còn, phước báo của tám mươi ức kiếp cũng không còn nữa, tất cả đều mất thết, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Khi tất cả không còn nữa, thì sự thanh tịnh của quý vị được phục hồi. “Thanh tịnh bình đẳng giác” thật sự phục hồi. Hiểu rõ được đạo lý này rồi, có cần hưởng phước hay không? Không cần. Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta thị hiện, ngài cũng không hưởng phước. Vì sao vậy? Vì họa phước đều là giả, là tương đối, không có thật. Hàm nghĩa việc thị hiện

của ngài rất cao sâu, chúng ta cứ từ từ tìm hiểu, từ từ phát hiện, sau đó mới suy nghĩ đến “tùy duyên diệu dụng” trong Hoàn Nguyên Quán nói. Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện là tùy duyên diệu dụng. Quý vị hãy xem sự diệu dụng của ngài như thế nào, chúng ta mới thật sự được thọ dụng, chúng ta mới có thể học tập theo ngài được, phải học được thật giống ngài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thật sự như lời của tiên sinh Đông Phương Mĩ nói: đó là hưởng thụ cao nhất của con người. Những người bình thường không thể lí giải được. Ngài thật sự pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm.

Câu cuối cùng dưới đây, thực sự mỗi câu đều rất hay. Nếu không phải phương tiện cứu cánh trong phương tiện, viên đốn nhất trong giáo lí viên đốn, thì làm sao có thể được như thế. Nhất niệm thập niệm đều là niệm Phật, dùng những thứ gì? Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm.

Nói cách khác, khi ta niệm danh hiệu một vị Phật, không nghi ngờ, không có xen tạp, đó là chân tâm, vẫn còn nghi ngờ, còn sự xen tạp đó là vọng tâm. Tôi cũng rất muốn không có sự xen tạp, vì sao lại có nhiều vọng niệm như thế? Điều này cho thấy tập khí vọng tưởng trong A lại da của chúng ta quá nặng. Khi không niệm Phật ta không biết, khi niệm Phật nó liền xuất hiện. Muốn làm cho vọng niệm bớt đi, chúng ta cần phải thay đổi cuộc sống của mình, đối với cuộc sống sinh hoạt của mình dễ dàng chấp nhận, không tìm cầu những thứ khác, mọi việc đều tùy duyên, thì vọng niệm liền giảm bớt. Khi vọng niệm trong cuộc sống hàng ngày giảm bớt, thì công phu niệm Phật dễ thành tựu. Nếu không bắt đầu cải thiện trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc, trong cách đối nhân xử thế tiếp vật, thì công phu tu tập khó thành tựu được. Sau đó chúng ta sẽ thấy rõ, cuộc sống chúng ta ở đây, thuận cảnh hay nghịch cảnh tất cả đều giúp chúng ta, đều thành tựu chúng ta. Vì sao thế? Trong thuận cảnh chúng ta luyện tâm gì? Luyện tâm không tham, không tham luyện, luyện không ngu si, rõ ràng minh bạch, tướng có tánh không, sự có lý không. Nghịch cảnh cũng có thể tôi luyện cho chúng ta không còn bực tức, không còn kiêu ngạo. Vì thế tất cả mọi người, tất cả sự vật, tất cả ngoại cảnh, tất cả nhân duyên, không có thứ gì là không hỗ trợ cho việc tu hành thành Phật của ta. Nếu quý vị biết tận dụng thì thành Phật, không biết tận dụng, mà dùng ngược lại, thì gặp thuận cảnh sẽ tham đắm, gặp nghịch cảnh sẽ ghét bỏ, những nhân duyên đó sẽ kéo quý vị vào chốn địa ngục. Quý vị muốn nó trợ duyên thế nào, tất cả đều nơi quý vị, nó sẽ làm theo ý quý vị. Nó có thể trợ duyên cho quý vị thành Phật, cũng có thể kéo quý vị xuống địa ngục, chúng ta muốn thế nào thì nó sẽ hỗ trợ thế ấy, đây là then chốt.

Năm trước, khi đang ở Mĩ, trong kinh Phật có hai câu: “mỗi giờ là giờ tốt, mỗi ngày là ngày lành”. “Tôi thêm vào hai câu: mỗi người là người tốt, mỗi việc là việc lành”. Nếu quý vị biết dùng thì toàn là việc tốt, những người ác, những việc cực ác giúp đỡ quý vị thành Phật, nâng đỡ quý vị bước lên cảnh giới cao hơn, làm sao không

phải là tốt được? Với những người làm việc ác ta không những không ghét bỏ, mà còn khởi tâm gì? Khởi tâm cảm ơn, nhờ họ mà ta tiêu được nghiệp chướng, ác ý hủy báng ta, sỉ nhục ta, hãm hại ta, ta đều chấp nhận, tiêu nghiệp chướng mà. Nếu không có những việc làm này của họ, thì nghiệp chướng chúng ta làm sao tiêu tan được? Nếu nhần nhục Tiên không gặp được vua Ca lợi cắt thết thân thể, thì việc nhần nhục của Ngài còn phải tu đến bao lâu? Vì gặp vua Ca lợi đã làm như thế, nên hạnh nhần nhục ba la mật của ngài mới được viên mãn, thành tựu. Vì thế ngài đã cảm ơn vua Ca lợi. Lúc lâm chung còn phát nguyện lớn, sau này thành Phật, người được độ đầu tiên chính là ông, ông là ân nhân lớn của tôi. Vị tiên nhân nói trên là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi chưa thành Phật. Vua Ca lợi là ai? Chính là vị đệ tử được tiếp nhận đầu tiên của ngài. Nói là làm, thật sự đã độ vị này, đó chính là tôn giả Kiều Trần Như, là vua Ca Lợi ngày xưa.

Một khi đã hiểu rõ mọi chuyện thì ai cũng có thể là ân nhân, mọi chuyện đều là yếu tố tốt đẹp, lúc đó lòng từ bi liền xuất hiện, tâm đại Bồ đề liền hiện ra. Nếu vẫn quan niệm người này là thân, kẻ kia là oán thì chưa được, vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Nói cách khác, anh vẫn là người phạm. Vì thế pháp môn này là phương tiện trong phương tiện cứu cánh, trong đốn ngộ có đốn ngộ viên mãn. Thấy ở điểm nào? Từ chỗ thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung vẫn được thượng phẩm vãng sanh.

Thiền tông như Lục Tổ Huệ Năng đó là thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì sao vậy? Vì ngài có thể nhất thời đốn ngộ, nghĩa là một lần ngài buông bỏ thết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thật sự buông bỏ không còn dính mắc, lúc đó liền minh tâm kiến tánh, thành Phật.

Trong tông môn, ta hãy xem những sử sách ghi chép lại, có người tu tập năm năm, ba năm, có người tu tập bảy, tám năm, có người tu tập mười mấy hai mươi năm, có người tu tập ba, bốn mươi năm mới khai ngộ, nhưng mức độ khai ngộ của các vị đó cũng giống như ngài Huệ Năng, không khác gì cả. Những vị đó phải mất một thời gian dài mới có thể cắt đứt những thứ đó, nhưng đại sư Huệ Năng chỉ một niệm là cắt đứt thết. Một niệm đoạn thết gọi là “đốn”, viên đốn.

Trong tông Tịnh độ, những người tạo thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung địa ngục hiện ra, lửa dữ thiêu đốt, nhờ tiếng niệm Phật mà được cắt đứt tất cả những mê lầm, đó chính là đốn ngộ trong đốn, vì thế viên đốn cuối cũng như trong thiền tông. Niệm cuối cùng của những người đó, cảnh giới của họ có thể sánh với ngài Huệ Năng, với đức Thích Ca Mâu Ni, vấn đề này là không thể nghĩ bàn. Nhưng đây là đứng về lý mà nói thôi. Tạo những nghiệp chướng, khi quả báo hiện tiền, địa ngục đã hiện tiền, vì quá khiếp sợ nên đã khiến cho những vọng niệm đó tiêu mất, sự việc là như vậy. Quá khiếp sợ nên nó tiêu mất. Bảo họ niệm câu A di đà Phật, họ chết cũng không buông, đó là nhất niệm, đó là chân tâm niệm. Vì thế địa vị mà họ đạt đến hoàn toàn giống như

Đại sư Huệ Năng. Đây là điều rất hiếm có, về lý mà nói là như vậy, còn về sự thì rất khó.

Nay tông Tịnh độ làm cho những phàm phu đã tạo thập ác ngũ nghịch có thể nhất tâm, vì thế Di Đà hiệu là nguyện vương, chân thật bất hư. Pháp môn niệm danh hiệu A Di Đà Phật của tông Tịnh độ, phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà, phương pháp này không gì khác ngoài việc xây dựng trường học. Thế giới Cực lạc chính là trường học, thế giới Cực lạc không có tổ chức chính trị, quý vị xem kinh điển không cuốn nào đề cập đến thế giới Cực lạc có quốc vương, thế giới Cực lạc có chính phủ, không có. Nếu có chắc chắn đã cho chúng ta biết. Thế giới Cực lạc chỉ có hai hạng người đó là thầy giáo và học trò. Thầy giáo là Phật A Di Đà, còn học sinh là những vị Bồ tát, tất cả những vị vãng sanh đến thế giới Cực lạc đều là những học sinh. Học sinh có tam bối cửu phẩm, như học các lớp không giống nhau. Có người đến thế giới Cực lạc là từ cấp bậc dưới cùng dần dần đi lên, có người không đi theo thứ lớp mà xen ngang, nó là như vậy. Có thể nói thế giới Cực lạc là Phật học viện do các đức Phật Như lai cùng sáng lập nên, đức A Di Đà Phật là viện trưởng, còn chư Phật Như Lai là giáo thọ, các ngài thường đến thế giới Cực lạc để giảng dạy, Bồ tát Đẳng Giác là những vị trợ giảng. Trong kinh Di Đà có câu: “ Các vị thượng thiện nhân đều ở cùng một chỗ”, trong chú giải của chư vị tổ sư, thượng thiện nhân là các bậc Bồ tát Đẳng Giác, họ là những vị trợ giảng, giúp đỡ việc học hành của những người mới đến thế giới Cực lạc. Đức A Di Đà Phật thường giảng kinh trong giảng đường Thất bảo, không gián đoạn. Vì thế giới Cực lạc không cần ăn uống, thế giới Cực lạc cũng không cần ngủ nghỉ. Việc ăn uống nghỉ ngơi của chúng ta đã tiêu tốn rất nhiều thời gian, họ không ăn uống, không nghỉ ngơi. Đến thế giới Cực lạc thì chỉ học hành, nghe pháp, nghe đến lúc nào mới thôi? Đến khi thành Phật mới thôi. Ngày tốt nghiệp là thành Phật, khi thành Phật rồi liền đi đến những thế giới khác, nơi mà quý vị có nhân duyên, thì quý vị đến làm Phật nơi đó. Chúng ta phải nhận thức rõ điều này.

Tông Tịnh độ hoàn toàn giáo dục, là nền giáo dục vĩ đại nhất, là nền giáo dục đầy đủ nhất, đảm bảo có thể thành Phật, đảm bảo có thể khai ngộ, và rất mau chóng. Quý vị thấy đó, học tập không bao giờ ngừng nghỉ! Việc học tập của chúng ta ở đây có những khó khăn, thời gian học hành ngắn ngủi mà việc nghỉ ngơi lại nhiều, hai mươi bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày, cho dù quý vị có học đến tám tiếng mỗi ngày thì vẫn còn nghỉ mười sáu tiếng.

Có người hỏi đến thế giới Cực lạc để làm gì? Đến để học, đến học viện niệm Phật. Phật học viện của thế gian này, cho đến của thế giới chư Phật, đều không bằng thế giới cực lạc. Thế giới Cực lạc rất đơn thuần, đến đó toàn toàn hưởng thụ những thành tựu bổn nguyện của đức Phật A Di Đà.

Đức đầu tiên trong sự thành tựu đó là gì? Là tất cả đều do biến hoá mà có, đây là đức thứ nhất. Quý vị muốn có thứ gì thì thứ đó liền hiện ra ngay, không thiếu thứ gì. Tôi muốn một bộ Đại Tạng kinh, thì nó liền hiện ngay trước mắt, tôi không muốn thấy nữa, nó lại biến mất, không cần phải mang cất đi, muốn thứ gì thì thứ đó liền hiện ngay, muốn ăn thì thức ăn hiện ngay trước mắt, muốn mặc thì áo đã có trên thân. Cung điện hay nhà cửa ở thế giới Cực lạc không có những thứ đồ dùng, đồ dùng trong nhà cũng rất phiền toái, nó không có. Khách đến nhà phải làm sao? Khách đến liền biến ra toà sư tử, mỗi người có một chỗ ngồi, khi khách ra về thì chỗ ngồi cũng biến mất, không cần phải dọn dẹp, không cần phải bày biện. Thế giới tốt đẹp như thế, sao chúng ta không đến đó chứ? Rõ ràng mình bạch rồi, sao không nhanh tay chọn lấy, mà còn ở đây để chịu tội?

Bồ tát đến thế giới này, quý vị xem bốn đức trong Hoàn Nguyên Quán, Bồ tát đến đây để làm gì? Đến để chịu khổ cho tất cả chúng sinh, đó là sự thật. “Tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác, nhu hoà chất trực, đại chúng sanh khổ”. Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni suốt đời thị hiện dưới danh một vị khổ hạnh, ngài phô diễn cho chúng ta thấy, giống như những diễn viên trên sân khấu vậy. Việc xuất hiện hình ảnh vị sư khổ hạnh trên sân khấu, sau cánh gà Ngài là một vị Phật, giống như hình ảnh đức Phật A Di Đà được mô tả trong Quán kinh, thân có vô lượng tướng, tướng có muôn vẻ đẹp. Chữ số được nói đến trong Quán kinh, thân tướng Ngài có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi hình tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Khi vãng sanh là đạt được, hơn nữa là hoá sanh. Hoá sanh là gì? Vừa vãng sanh thì thân tướng của quý vị hoàn toàn giống hệt thân tướng đức Phật A Di Đà, đức A Di Đà có hình tướng như thế nào thì quý vị có hình tướng như thế ấy. Vì thế cõi nước ấy gọi là cõi nước bình đẳng, điều này trong kinh nói rất rõ ràng. Bốn mươi tám lời nguyện, vì sao đức Phật phát bốn mươi tám lời nguyện? Vì Ngài nhận thấy hình tướng các chúng sinh trong mỗi thế giới không giống nhau, người có tướng mạo tốt đẹp thì kiêu ngạo, người xấu hơn thì mặc cảm tự ti. Do đó nguyện lực của ngài để thành tựu thế giới, không có hiện tượng này, mọi người đều bình đẳng, tất cả đều giống như Phật. Vì thế sanh về thế giới Cực lạc ý niệm này không còn nữa, phiền não đều bị cắt đứt, thật sự quá từ bi!

Mấy câu này nói rất hay, pháp môn Tịnh độ, có thể khiến cho người phạm phu ngỗ nghịch được nhất tâm, vì thế a đức Phật A Di Đà hiệu là nguyện vương quả không hư dối.

Chúng ta xem tiếp đoạn tiếp theo, trong luận An lạc, đạo sư Đạo Trác cũng luận mười niệm vãng sinh như sau: “Các người cho rằng người làm những ác nghiệp là nặng vì cho rằng điều thiện của những người hạ phẩm ít quá.”

Có người đọc đến đoạn kinh nói về hạ phẩm, sẽ nghi ngờ, cho rằng tội ngũ nghịch thập ác quá nặng, công phu mười niệm lúc lâm chung có vẻ quá ít, mười niệm

lúc lâm chung sao có thể tiêu trừ tội chướng của họ được? Trước mắt thấy họ tạo những tội nghiệp nặng nề như vậy, quả thật rất khó, mười niệm lúc lâm chung đâu có thể dễ dàng để họ vãng sanh như thế? Đây là điều khó có thể chấp nhận. Huống gì nói đến chuyện một niệm có thể diệt được tội nặng trong tám mươi vạn ức kiếp sinh tử, lại càng khó tin hơn. Những chuyện không tốt quý vị đã tạo ra trong đời này, chúng ta cảm thấy mười niệm lúc lâm chung đã không thể hoá giải được, huống gì trong vô lượng kiếp? Có sự nghi ngờ như vậy, không tin là có thật. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, thì miễn cưỡng có thể tin được.

Về vấn đề này, đại sư Đạo Trác đã giải thích cho chúng ta: “Bây giờ chúng ta sẽ so sánh nghĩa lí”. Nghĩa ở đây là nghĩa lí, dùng nghĩa lí làm tiêu chuẩn để so sánh, “Nghĩa khinh trọng”, thế nào là khinh? Thế nào là trọng? Với nghĩa lí này, Ngài có ba cách lí giải: “Rõ ràng ở trong tâm”, hai chữ rõ ràng có sự xuyên suốt phần sau, rõ ràng trong tâm, rõ ràng nơi nhân duyên, rõ ràng nơi việc quyết định. Không phải nơi chỗ thời gian lâu mau hay nhiều ít, điều này không liên quan. Tạo tội nghiệp nặng nề, hay tội nghiệp nhiều đến bao nhiêu, cũng đừng lo, chỉ sợ quý vị không giác ngộ. Giác ngộ thì mới có thể hoá giải được. Đang còn mê mờ, nghi hoặc thì quý vị phải gánh chịu, phải chịu khổ. Trong đây có đạo lý của nó.

Phân dưới Ngài giải: “Thứ nhất, thế nào gọi là tại tâm?”. Nói theo ngôn ngữ hiện nay, sao lại nói tại tâm? Tức là khi người kia tạo tội là do nương theo tâm hư vọng điên đảo mà có. Đại sư cho rằng do tâm đó mà tạo tội, vậy tâm điên đảo hư vọng là gì? Là A lại da, không phải là chân, nương theo tâm vọng tưởng mà có. Do vọng tâm sinh ra nên toàn là những vọng cảnh, đó không phải là chân. Những người mới học không thể hiểu được, những người tu tập đã lâu nên biết, kinh điển đã nói rất nhiều, cuộc đời này là giả nhưng mọi người có ai thừa nhận không? Tất cả mọi thứ là có thật, có gì là giả đâu? Nếu quý cho là chân thì mọi thứ đều là chân, và quý vị phải chịu tội. Nếu quý vị biết đó là giả mới có thể cắt đứt, không phải chịu tội. Luân hồi trong sáu nẻo là giả, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới đều là giả, ít nhất cũng phải quả quyết đến mức độ như thế.

Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Pháp hữu vi là gì? Có sanh có diệt là pháp hữu vi. Chúng ta hãy thử nghĩ xem, có pháp nào không phải là pháp hữu vi? Động vật chúng ta có sanh lão bệnh tử, là pháp hữu vi, thực vật thì có sanh trụ dị diệt, là pháp hữu vi, tất cả những khoáng vật như sơn hà đại địa thì có thành trụ hoại không, là pháp hữu vi. Tất cả đều biến chuyển, phàm những thứ biến chuyển đều gọi là pháp hữu vi. Bây giờ ta nói đến trời, trời cũng có những lúc biến đổi, cũng không cố định. Trời hay đất đều là những pháp hữu vi, thời gian hay không gian cũng là pháp hữu vi.

Chúng ta đọc trong luận Bách Pháp Minh Môn, tất cả chín mươi tư thứ trước đều là pháp hữu vi, pháp hữu được chia thành mấy loại lớn? Chia thành bốn loại lớn. Thứ nhất là tâm pháp, gồm tám tâm, tám thức của A lại da. Thứ hai là tâm sở pháp, tức là tác dụng của tâm lí. Trong tác dụng tâm lí lại chia thành năm mươi một loại lớn, vì là pháp hữu vi nên nó cũng sinh diệt. Ngoài ra có sắc pháp tức là các hiện tượng vật chất cũng là pháp hữu vi, tất cả hiện tượng vật chất đều vô thường. Lại có một thứ khác nữa, đó là những khái niệm trừu tượng. Những danh từ trong Phật pháp không gọi là khái niệm trừu tượng mà gọi là bất tương ưng hành pháp, đó là một khái niệm trừu tượng, nó không phải là một hiện tượng thực, nhưng cũng không thể nói nó không có. Thời gian và không gian cũng là một khái niệm trừu tượng, hai mươi bốn khái niệm trừu tượng. Cộng tất cả có chín mươi sáu pháp. Chín mươi sáu pháp này đều là pháp hữu vi, có sinh có diệt, sát na không dừng, toàn là giả. Thật sự thấu triệt rồi, thì thiện trở về số không, ác cũng trở về số không, không có pháp nào là chẳng trở về số không. Nhiễm cũng là số không, tịnh cũng là số không, tất cả đều trở về số không là bình đẳng, là được hoá giải. Nếu quý vị không thể trở về số không, thì bắt buộc quý vị phải gánh chịu, việc gánh chịu này cũng không phải là chân. Việc chịu khổ chịu tội trong địa ngục là chân ư? Không phải, nó chỉ giống giấc mơ, trong mơ ta thấy mình chịu tội cũng thấy đau khổ, khi tỉnh dậy không còn nữa. Người đã giác ngộ như một người đã tỉnh giấc mơ, tự nhớ tất cả mọi việc, nhìn thấy tất cả mọi việc, làm gì có những thứ đó? Vì thế đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”. Vấn đề quý vị phải giác ngộ, không giác thì không được.

Chư Phật, Bồ tát thị hiện trong cõi đời, chỉ vì một nguyên do, đó là khiến chúng sinh thức tỉnh. Ngài dùng phương pháp giảng kinh dạy học để phá mê khai ngộ. Chỉ làm một việc này. Những việc này chúng ta dùng những ngôn ngữ thế gian để nói, nhưng ngôn ngữ của xuất thế gian thì không có gì để nói. Ngôn ngữ thế gian thường nói đến công đức vô lượng vô biên. Nhưng dùng pháp xuất thế thì trở về con số không, công đức vô lượng vô biên cũng là con số không. Tất cả đều quy về số không, thì tất cả là chân thật nhất. Nhưng nếu không quy về con số không, thì thiện có thiện báo, có phúc báo, ác có ác báo. Nếu quý vị không quy về con số không, thì quý vị phải gánh chịu, quy về con số không thì không có gì. Quý vị hiểu được vấn đề này thì sẽ lĩnh hội được, việc tạo tội cực nặng cũng không vấn đề gì, quy về con số không thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng vấn đề ở chỗ, có bao nhiêu người quy về con số không được? Đây là một sự thật, không phải giả. Không quy về con số không thì ta phải gánh chịu. Sau khi quy về con số không quý vị sẽ hiểu, Phật A Di Đà là từ chỗ nào đến? Từ tâm ta hiện ra, từ tâm ta sinh ra, ngoài tâm không có pháp nào, ngoài pháp không có tâm. Thế giới cực lạc từ đâu mà có? Do tâm ta hiện ra. Thế giới Ta bà từ đâu mà có? Từ tâm ta mà có. Tất cả thế giới trong mười phương vô lượng vô biên của chư Phật, không cõi nào là không do tâm ta hiện ra, tâm ta tạo thành, phải hiểu được rõ ràng như thế. Sau khi đã hiểu rõ ràng như thế rồi thì tâm quý vị liền bình đẳng, thanh tịnh, chắc chắn không còn cõi nào cao, cõi nào thấp, tất cả đều bình đẳng, thiên đường hay địa

ngục đều giống nhau, cõi Ta bà hay Cực lạc đều giống nhau. Cho dù quý vị ở bất kì cảnh giới nào, thì tâm quý vị cũng bất động, bất động là quy về con số không, động thì không thể quy về được. Tâm bất động là nhất chân pháp giới, tâm bất động là cõi Thường tịch quang. Đạo lí này rất cao sâu, cần phải dụng tâm mà cảm nhận. Có thể lãnh hội được chăng? ta buông bỏ thì có thể lãnh hội được. Nếu không buông bỏ, sao lãnh hội được đó là vọng tưởng. Vì sao vậy? Vì việc lãnh hội không thể dùng tâm ý thức, nếu dùng tâm ý thức thì không gọi là lãnh hội, mà gọi là tưởng, tưởng thì không đến được, càng tưởng càng sai. Lãnh hội không thể dùng tâm ý thức. Vì tâm là vọng tưởng, ý là phân biệt, ý thức là phân biệt, ý căn là mặt na, mặt na chính là chấp trước, vì thế không dùng tâm ý thức, tức là không dùng tâm phân biệt chấp trước, không dùng khởi tâm động niệm, thì quý vị thấy được chân thật.

Vì thế phàm phu tạo tội, họ nương vào chính là vọng tâm. Mười niệm này dựa vào những bậc thiện tri thức để được nâng đỡ, nghe thực tướng pháp, nương nơi thực tướng. Niệm Phật là nương vào thật tướng, tạo nghiệp chướng là nương nơi vọng tâm. Tại sao ngày nay chúng ta niệm Phật không có kết quả? Là bởi chúng ta vẫn nương nơi vọng tâm để niệm, nên không có tác dụng. Niệm được mấy mươi năm rồi nhưng không được lợi ích gì, cốt yếu là ở chỗ này. Nếu nương theo thật tướng mà niệm, thì hiệu quả đã cao rồi. Căn tánh chúng ta chậm chạp, nên khi đọc kinh nghe giảng, cho dù đến mấy mươi năm thì vẫn nương nơi vọng tâm, không có cách gì thay vọng tâm bằng chân tâm. Nguyên nhân là do đâu? Là do không có các bậc thiện tri thức dẫn đường, nếu gặp được thiện tri thức, nếu gặp được thiện tri thức thì ta phải có những điều kiện cần thiết. Đó là những điều kiện gì? Thành kính. Hoàn toàn không phải thiện tri thức muốn những người đến thọ giáo phải cung kính với mình, như vậy thì không phải là bậc thiện tri thức. Thiện tri thức tuyệt đối không có một nhu cầu nào. Vậy tại sao ta phải thành kính? Bởi thành kính là tánh đức, chỉ có tánh đức mới có thể thể nhập tâm tánh. Nếu không thành kính thì là vọng tâm, mà vọng tâm thì không thể đi vào cảnh giới chân thật, đạo lý là như vậy. Một người thầy giáo nhận học sinh thì cũng chỉ lấy điều này làm tiêu chuẩn. Thấy học sinh này, là người chân thành, cung kính, thật thà, đó mới là một nhân tài, là người có thể thành công. Thầy giáo gặp những học sinh như thế, sẽ lưu tâm chiếu cố, hàng ngày thầy giáo quan sát, giúp đỡ, nhưng vẫn kèm cặp họ thật nghiêm khắc. Vì sao vậy? Vì khi quá quan tâm đến người học trò, thì họ sẽ sinh tâm ngạo mạn, công cao ngạo mạn. Nhưng nếu quá thờ ơ lãnh đạm với họ, thì họ sẽ buồn bã sầu muộn, không thể học tập được. Vì thế người thầy đối với học trò bằng cách, không thân cận không thờ ơ, cứ để nó trưởng thành một cách tự nhiên. Ngày trước chúng tôi thường nghĩ như thế, sau này khi gặp lại, đúng là như thế.

Năm 1949, tôi đến Đài loan, một mình tôi thôi, đi cùng quân đội. Lúc bấy giờ nếu không đi cùng quân đội thì không đến được Đài loan, năm đó tôi đã 22 tuổi, phải tòng quân mới đến được Đài loan. Sau khi đã đến Đài loan đất khách quê người,

không người thân bạn bè, không ai quen biết, rất muốn đi học, nhưng không có tiền đóng học phí. Khi phục vụ trong quân đội với mức lương rất thấp, mọi nhu cầu chỉ đủ nuôi sống bản thân với một mức sống rất thấp. Trong hoàn cảnh thiếu thốn như thế, tôi chỉ biết dựa vào sức mình, sách vở cực kì hiếm hoi, nếu có đi nữa cũng không có tiền để mua, chỉ còn một cách là chép lại. Những ngày nghỉ tôi đến thư viện mượn sách mang về chép lại, làm gì đầy đủ tiện nghi như bây giờ. Lúc bấy giờ tôi gặp được thầy Phương Đông Mĩ, biết thầy là người quê Đồng thành, tỉnh An huy, là đồng hương, tuy không quen, nhưng là đồng hương. Vì là đồng hương nên tôi viết cho thầy một bức thư, trong thư gửi kèm theo một bài văn nhờ thầy xem. Mục đích không gì khác, ngoài việc mong thầy nhận cho tôi vào học dự thính môn của thầy. Lúc bấy giờ tôi rất có thích môn Triết học, thư gửi đi là chỉ đánh tiếng, có kết quả ra sao thì chưa biết, và cũng không dám nghĩ đến nó. Khoảng một tuần thì tôi nhận được thư trả lời của thầy, hẹn tôi đến gặp thầy ở nhà riêng. Lần đầu tiên tôi đến nhà riêng gặp thầy là nhờ một bức thư, tự mình giới thiệu cho mình. Khi trò chuyện, thầy đã hỏi tôi rất nhiều điều, tôi cứ thật lòng trả lời, mong muốn đến học dự thính ở trường. Thầy nói với tôi: “nhà trường bây giờ, thầy không ra thầy, trò không ra trò”. Đó là khoảng sáu mươi năm về trước. “Nếu anh theo học ở ngôi trường này anh sẽ rất thất vọng”. Nghe thầy nói, tôi như sét đánh ngang tai, mất thét cả hứng, sa sầm nét mặt, rất buồn bã đau khổ. Chúng tôi ngồi như thế khoảng bốn năm phút, thầy lại nói: “Thôi được rồi, mỗi tuần vào ngày chủ nhật anh đến nhà tôi, tôi sẽ dạy anh hai tiếng đồng hồ”. Việc này có nằm mơ cũng chẳng được. Trên chiếc bàn nhỏ trong phòng khách bé nhỏ nhà thầy, một thầy một trò, tôi đã học môn Triết học khái luận với thầy như thế. Càng về sau, học trò đến học càng đông, nhưng cách học như thế chỉ mỗi mình tôi. Học sinh của thầy Phương cũng có rất nhiều người thành tựu, trong đó có cả Đường Quân Nghị-viện trưởng thư viện Tân á ở Hongkong, cũng là học trò của thầy Phương. Sau khi nghe tôi kể, thay đổi cách nhìn, ông nói với tôi: “Mắt thầy Phương mọc trên đỉnh đầu, không ai phát hiện ra ông, thầy đã một mình dạy dỗ ông, ông nhất định sẽ là một người có tài”. Thực ra, thầy có dạy gì cho tôi nhiều đâu, nếu có thì đó là lòng cung kính của tôi đối với thầy. Điều này thì tôi đã tiếm nhiễm những lời dạy của cha mẹ tôi từ bé.

Tôi theo đại sư Chương gia, theo thầy Lí, thời gian theo thầy Lí gần mười năm, tất cả đều với lòng thành kính, nếu không có lòng thành kính thì không thể học được điều gì. Nói chung, đối với những học sinh khác, tôi lúc nào cũng thành kính hơn hẳn, nhờ thế mà sáu mươi năm qua, những gì tôi đã trải qua, tôi khẳng định rằng những lời dạy của đại sư Ấn quang: “một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Ngài Ấn quang chỉ nói như thế, nhưng tôi thêm vào mấy câu nữa: “Trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, ngàn phần thành kính được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính được vạn phần lợi ích”. Hoàn toàn đúng, không có tâm cung kính thì không gặt hái được thứ gì. Phải nuôi dưỡng đức tính chân thành cung kính, bắt đầu nuôi dưỡng từ đâu? Từ chỗ khiêm tốn của mình. Khiêm

tôn vẫn chưa đủ, phải nên khép mình. Một người biết khép mình không ai không thành tựu.

Chúng ta xem cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn, quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm, nhìn một học sinh lên kinh ứng thí, tiên sinh ấy có thể đoán được người nào thi đỗ, người nào không đỗ, những người như thế, tiên sinh đều đoán đúng cả. Tiên sinh có biết xem tướng không? Không biết. Vậy ông quan sát thứ gì, ông ấy quan sát ngôn hành cử chỉ của những người học trò. Nếu những người nào thật sự có biểu hiện khiêm tốn, chắc chắn người đó sẽ thi đỗ, tiêu chuẩn của ông ấy chỉ có chừng đó. Trong Tứ Huấn nói rất rõ ràng, ông ta khuyên con cái ông nên sống khép mình. Một người sống khép mình tất nhiên sẽ thành kính, một người thành kính nhất định có thể khế hợp với tâm tánh. Nếu có một chút kiêu mạn thì không thể thi đỗ.

Cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn lấy một thí dụ ngược lại: có một anh học trò đi thi, anh này vốn là một người rất tự phụ, văn chương anh ta rất khá, nhưng lại xem thường những người bạn đồng học, thi mấy lần cũng không đỗ, trong lòng không khâm phục, chửi rủa những vị quan chấm thi không có mắt, sao bài văn của mình hay như thế mà lại không cho đỗ? Khi anh ta đang chửi rủa, có người đứng cạnh thấy thế liền cười, anh ta càng điên tiết, bèn quay sang người kia: Sao lại cười tôi? Người kia nói: Tôi cười anh là bởi bài văn của anh có gì đáng gọi là hay. Anh học trò liền nói: anh chưa biết bài văn của tôi thì làm sao biết được nó hay hay không. Người kia trả lời: tôi chỉ cần nhìn thái độ của anh thì có thể biết bài văn của anh thế nào rồi. Người học trò này cũng rất hay, sau khi nghe xong, anh ta nghĩ người kia nói cũng có lí, liền e thẹn xin lỗi người kia. Người kia bèn khuyên nhủ. Sau này người học trò tự thay đổi tính cách của mình, ba năm sau, anh học trò lại đi thi, lần này thì thi đỗ.

Tiên sinh Liễu Phàm nhìn người cũng không gì khác, ông không phải là thầy tướng số, ông chỉ xem người đó có thành kính không, ngôn hành cử chỉ có đường hoàng hay không, có phải là người chân thật hay không, có cung kính hay không. Xem từ những biểu hiện như thế.

Ngay cả sự thành bại của pháp thế gian, then chốt của nó là ở điểm này, hướng gì là Phật pháp? Rất quan trọng, chẳng phải không quan trọng.

Cho nên đây là tại tâm, nương theo vọng tâm là không được, phải nương thật tướng, thật tướng là chân tâm, nương theo chân tâm mới có thể thành tựu. Pháp thế gian hay xuất thế cũng thế cả, không có ngoại lệ.

Xã hội ngày nay loạn lạc, thiên tai ngày càng nhiều, nguyên nhân là do đâu? Bởi ta toàn dùng vọng tâm, không dùng chân tâm. Niệm Phật cũng dùng vọng tâm thì làm sao có thể thành tựu được? Nếu nhiều người dùng chân tâm thì xã hội đã không xảy ra việc gì. Vì sao xã hội ngày trước tốt đẹp như thế? Vì xã hội ngày trước được giáo dục.

Như phần trước tôi đã nói, nền giáo dục của người xưa, quan trọng nhất là nền giáo dục gia đình, người xưa coi trọng giáo dục gia đình. Giáo dục gia đình là nền tảng cơ bản có bề dày ổn định trong năm nghìn năm qua, họ đã làm rất tốt việc này. Những bậc quân vương theo đó cai trị mà thiên hạ được thái bình. Triều đại gần chúng ta nhất, là triều Mãn thanh, quý vị hãy xem Mãn thanh nhập quan, Khang Hi 61 năm, Ung Chính 13 năm, Càn Long 60 năm, sau đó có thêm Gia Khánh, gần hai trăm năm thái bình thịnh trị, xã hội ổn định, đời sống nhân dân được ấm no. Những điều này từ đâu mà có? Đều do giáo dục gia đình tốt đẹp. Nhà vua cũng coi trọng nền giáo dục gia đình, những gia đình có giáo dục tốt đều được ban thưởng, tặng giấy khen để khích lệ. Mỗi gia đình đều tích cực dạy dỗ con cái, nên xã hội không còn những người xấu, mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành, thiên hạ thái bình. Đạo lý của nó là như vậy.

Vì thế đại sư Đạo Trác nói đến việc luận tâm, luận duyên, luận quyết định. Nói rất hay.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 420